

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-3-2021

V/v Tranh chấp không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Định

2. Ông Trần Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 417/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Thanh T, sinh năm 1974 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trình bày của ông Lê Thanh T trong quá trình giải quyết vụ án:*

Hôn nhân: Ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống không hạnh

phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, hôn nhân không thể kéo dài, ông T và bà H đã tly thân nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà H.

Con chung: Ông T và bà H có 04 người con chung tên Lê Thảo N, sinh năm 1996 (giới tính nữ); Lê Hằng N, sinh năm 1998 (giới tính nữ); Lê Yên Ng, sinh năm 2001 (giới tính nữ) và Lê Hồng P, sinh ngày 19/11/2008 (giới tính nữ). 03 người con đầu đã trưởng thành. Khi ly hôn, ông T tự nguyện để cho bà H tiếp tục nuôi dạy cháu Lê Hồng P, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Ông T và bà H tự thỏa thuận phân chia, không đặt ra yêu cầu xem xét.

Nợ chung: Ông T xác định vợ chồng không có nợ chung nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

** Trình bày của bà Nguyễn Thị H trong quá trình giải quyết vụ án:*

Bà Nguyễn Thị H thống nhất với lời trình bày của ông Lê Thanh T về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Bà có ý kiến:

Hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H thống nhất ly hôn với ông Lê Thanh T.

Con chung: Bà H thống nhất tiếp tục nuôi dạy con chung tên Lê Hồng P, sinh ngày 19/11/2008 (giới tính nữ), bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Bà và ông T tự thỏa thuận phân chia, nợ chung không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Lê Thanh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn là bà Nguyễn Thị H. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc không công nhận vợ chồng; Bà H có nơi cư trú tại Ấp A, xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng bà H, ông T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành

xét xử vụ án vắng mặt bà H, ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, hôn nhân không thể kéo dài, ông T và bà H đã ly thân nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà H. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống ông T và bà H có điều kiện đăng ký kết hôn nhưng ông bà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông T và bà H có 04 người con chung tên Lê Thảo N, sinh năm 1996 (giới tính nữ); Lê Hằng N, sinh năm 1998 (giới tính nữ); Lê Yến Ng, sinh năm 2001 (giới tính nữ) và Lê Hồng P, sinh ngày 19/11/2008 (giới tính nữ). Các cháu Thảo N, Hằng N, Yến Ng đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu xem xét. Khi ly hôn, ông T tự nguyện để cho bà H tiếp tục nuôi dạy con chung là cháu Lê Hồng P, ông không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu P đã trên 07 tuổi, cháu là nữ, có nguyện vọng sống chung với mẹ là bà H, từ trước đến nay do phía bà H nuôi dạy, quá trình giải quyết vụ án, ông T tự nguyện giao cháu P cho bà H nuôi dạy nên cần để cho bà H tiếp tục nuôi dạy cháu P là phù hợp. Bà H không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Ông T không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm con theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở

[5] Về tài sản chung: Ông T và bà H xác định ông bà tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không đặt ra yêu cầu xem xét, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Ông T và bà H xác định vợ chồng không có nợ người ngoài và người ngoài cũng không nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết. Tại xác nhận không nợ ngày 08/9/2020 của Ủy ban nhân dân xã TLB xác định ông T và bà H không có nợ chung. Do đó, không xem xét về nợ chung.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vắng mặt ông Lê Văn Tâm và bà Nguyễn Thị H.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh T về việc không công nhận vợ chồng đối với bà Nguyễn Thị H.

2.1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng.

2.2. Về con chung: Giao cháu Lê Hồng P, sinh ngày 19/11/2008 (giới tính nữ) cho bà H tiếp tục nuôi dạy. Bà H không đặt ra yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Ông T không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm con theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Ông T và bà H tự thỏa thuận phân chia nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

Nợ chung: Không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 02 tháng 10 năm 2020 ông T có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0011418 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được đối trừ và chuyển thu án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan Anh